TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 9**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 21-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 9

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Tiết Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Mai Thành Trung;

1// Phạm Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Nguyễn Thị Thuý Loan, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 2 Bộ đội Biên phòng tham gia phiên tòa: 3// Lê Văn Chất, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

Trần Minh K1 (K1); tên gọi khác: không; sinh năm 1985 tại huyện Gi, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1 (N1) (đã chết) và bà Trần Thị L1 (L1) (đã chết); có vợ là Trịnh Thị T1 (T1) và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 02/6/2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/10/2022 cho đến nay; có mặt.

Bùi Quan N2 (N2); tên gọi khác: không; sinh ngày 24/6/2003 tại huyện Gi, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quan N (N3) và bà Nguyễn Thị Cẩm T2 (T2); chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/10/2022 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Quan N2*: Ông Trần K2 (K2), Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T tỉnh Kiên Giang; có mặt.

- *Các bị hại:*

1. Trần Văn T3 (T3), sinh ngày 12/8/1995 tại Thái Bình; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 2/, Đội trưởng Đội P, Đồn B, Bộ đội tỉnh K; vắng mặt.

2. Trần Hải Đ1 (Đ1) , sinh ngày 01/01/1982; nghề nghiệp: Dân quân tự vệ; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

3. Trần Thanh T4 (T4), sinh ngày 01/01/2002; nghề nghiệp: Dân quân tự vệ; nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Sử Hữu Đ2 (Đ2); vắng mặt.

2. Nguyễn Văn Đ3 (Đ3); vắng mặt.

3. Lê Văn K3 (K3); vắng mặt.

4. Hồ Văn T5 (T5); vắng mặt.

5. Lê Tùng C (C); vắng mặt.

6. Trịnh Thanh T6 (T6); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 25/5/2021, K1 đang dẫn đường cho 02 đối tượng vận chuyển thuốc lá điếu từ Campuchia vào Việt Nam thì bị Tổ tuần tra đang thực hiện nhiệm vụ tại khu vực đường dẫn nước vào ruộng lúa nhà ông Nghiêm Văn L2 (L2), thuộc ấp C, xã V, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang cách cột mốc 291/1 về hướng Việt Nam khoảng 150m phát hiện nên 02 đối tượng bỏ chạy để lại 03 bao tải thuốc lá. Khi Tổ tuần tra đang tiến hành thu giữ tang vật thì K1 tự nhận là chủ ruộng lúa lấy cớ tổ tuần tra làm hư hại lúa để la lối chửi bới, yêu cầu phải đền bù số lúa bị ngã đổ và gọi điện thoại cho N2 đến giúp để cùng lấy lại thuốc lá đã bị Tổ tuần tra thu giữ. Sau khi nhận điện thoại, khoảng 10 phút sau N2 cầm theo 02 con dao đến chỗ K1 và cùng với K1 xông vào Tổ tuần tra, thấy vậy Đ1 đến ngăn cản thì bị K1 cầm dao quơ lên làm va quẹt trúng vành tai của Đ1, K1 kề dao vào cổ để hù dọa và đẩy Đ1 xuống mương nước, còn N2 thì xông đến nắm cổ áo T3 cầm dao giơ lên dọa chém. Trong lúc đó, K1 cầm dao hướng vào phía trước cổ T3 đe dọa "mấy ông bước xuống lúa tôi cắt cổ mấy ông". Lúc này khi thấy T4 đang cầm điện thoại quay phim nên N2 dùng sống dao đánh vào tay phải của T4 làm điện thoại rơi xuống đất. Sau đó, N2 cùng một đối tượng khác vác 02 bao tải đựng thuốc lá bỏ chạy về hướng biên giới ném sang đất Campuchia rồi bỏ trốn, ngày 26/5/2021 đến Công an huyện Gi, tỉnh Kiên Giang đầu thú. Đối với K1 khi thấy lực lượng chi viện của Đồn V đến thì bỏ trốn, ngày 27/5/2021 đến Công an huyện Gi, tỉnh Kiên Giang

đầu thú.

Hậu quả:

- T3 bị trầy xước rách da ở vùng cổ phía trước bên phải dài 4,5cm.

- Đ1 bị trầy xước rách da vùng cổ bên phải 5,5cm và trầy xước da vành tai bên phải kích thước (0,5 x 0,5)cm.

- T4 bị trầy xước rách da mặt trong đốt ngón 01 bàn tay phải kích thước (0,5 x 0,5)cm, sưng phù nề.

- Tổ tuần tra không thực hiện được nhiệm vụ.

Tại phiên toà, bị cáo K1 khai: Như đã thoả thuận, tối ngày 25/5/2021 tôi và N2 có đi canh đường cho các đối tượng vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu từ Campuchia về Việt Nam, tôi sẽ nhận được 1.000.000 đồng, sau đó chia cho N2 500.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi tôi đang dẫn đường cho 02 đối tượng vận chuyển thuốc lá điếu vào Việt Nam thì gặp Tổ tuần tra nên 02 đối tượng bỏ chạy để lại 03 bao tải thuốc lá. Khi thấy Tổ tuần tra tiến hành thu giữ tang vật thì tôi tự nhận là chủ ruộng lúa và lấy cớ Tổ tuần tra làm hư hại lúa để la lối, chửi bới, cản trở Tổ tuần tra thực hiện nhiệm vụ và gọi điện thoại cho N2 đến giúp cùng lấy lại thuốc lá đã bị thu giữ. Khoảng 10 phút sau, khi N2 tới thì tôi cùng với N2 cầm dao xông vào Tổ tuần tra, khi Đ1 đến ngăn cản thì tôi cầm dao quơ lên làm trúng vành tai của Đ1, tôi còn kề dao vào cổ để hù dọa và đẩy Đ1 xuống mương nước, N2 thì xông đến nắm cổ áo T3 cầm dao giơ lên dọa chém. Sau đó, tôi cầm dao hướng vào phía trước cổ của T3 đe dọa "mấy ông bước xuống lúa tôi cắt cổ mấy ông". Khi thấy lực lượng chi viện của Đồn V đến thì tôi bỏ trốn, ngày 27/5/2021 đến Công an huyện Gi, tỉnh Kiên Giang đầu thú.

Bị cáo N2 khai: Khoảng 21 giờ ngày 25/5/2021, K1 gọi điện thoại cho tôi kêu tôi đến chỗ K1 để cùng lấy lại hàng hoá đã bị thu giữ. Sau khi nghe điện thoại xong tôi cầm theo 02 con dao đến cùng với K1 xông vào Tổ tuần tra. Tôi xông đến nắm cổ áo T3 cầm dao giơ lên dọa chém và khi thấy T4 đang cầm điện thoại quay phim thì tôi dùng sống dao đánh vào tay phải của T4 làm điện thoại rơi xuống đất. Sau đó, tôi cùng một đối tượng khác vác 02 bao tải thuốc lá bỏ chạy về hướng biên giới ném sang đất Campuchia rồi bỏ trốn, ngày 26/5/2021 đến Công an huyện Gi, tỉnh Kiên Giang đầu thú.

Các bị hại T3, Đ1 và T4 vắng mặt tại phiên toà có lời khai tại Cơ quan điều tra như sau: Ngày 25/5/2021 khi Tổ tuần tra đang tiến hành thu giữ tang vật thì K1 đến la lối chửi bới, sau đó cùng với N2 cầm dao đe doạ Tổ tuần tra, cụ thể: khi thấy Đ1 đến ngăn cản thì K1 cầm dao quơ lên quẹt trúng vành tai của Đ1, K1 kề dao vào cổ để hù dọa và đẩy Đ1 xuống mương nước, còn N2 thì xông đến nắm cổ áo T3 cầm dao giơ lên dọa chém. Trong lúc đó, K1 cầm dao hướng vào phía trước cổ của T3 đe doạ "mấy ông bước xuống lúa tôi cắt cổ mấy ông", lúc này khi thấy

T4 đang cầm điện thoại quay phim nên N2 dùng sống dao đánh vào tay phải của T4. (BL: 202, 221, 239, 240)

Những người làm chứng Đ2, Đ3, K3, T6 vắng mặt tại phiên toà có lời khai tại Cơ quan điều tra như sau: ngày 25/5/2021 khi Tổ tuần tra đang tiến hành thu giữ tang vật tại khu vực ấp C, xã V, huyện Gi thì K1 đến la lối chửi bới, cản trở sau đó cùng với N2 cầm dao đe dọa, gây trầy xước cho lực lượng Tổ tuần tra. (BL: 255, 267, 279, 303)

Theo Quyết định số 339/QĐ-BCH ngày 26/4/2021 của Bộ chỉ huy Bộ đội tỉnh K về việc lâm thời thành lập các chốt Biên phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới và phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn Đồn V và Danh sách trực chốt xác định nhiệm vụ của lực lượng Đồn Biên phòng phối hợp với các lực lượng Quân sự, Công an xã trong việc phát hiện, ngăn chặn tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại trong mùa dịch. (BL: 55, 66)

Biên bản làm việc số 61/BB-LV ngày 25/5/2021 của Đồn V ghi nhận: thu giữ được 01 bao tải màu đỏ chứa thuốc lá, bên trong bao tải thu giữ chứa 480 gói thuốc lá ngoại nhập lậu hiệu NELSON. (BL: 54)

Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gi, tỉnh Kiên Giang ghi nhận: hiện trường là khu đất ruộng của ông L2, dưới ruộng có lúa trổ chưa thu hoạch. Vị trí 03 bao tải thuốc lá được phát hiện ban đầu nằm trên bờ ruộng giáp kênh thuỷ lợi. Trên mặt đất có nhiều dấu chân dẫm đạp lên cỏ và lúa. Độ cao trung bình của cây lúa ở trạng thái đứng tại hiện trường là 0,6m. (BL: 39, 40)

Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, ngày 26/5/2021 của Trạm Y tế V xác định: T3 bị trầy xước rách da ở vùng cổ phía trước bên phải dài 4,5cm; Đ1 bị trầy xước rách da vùng cổ bên phải 5,5cm và trầy xước da vành tai bên phải kích thước (0,5 x 0,5)cm; T4 bị trầy xước rách da mặt trong đốt ngón 01 bàn tay phải kích thước (0,5 x 0,5)cm. (BL: 206, 225, 243)

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS-KV2 ngày 07/11/2022 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 2 Bộ đội Biên phòng truy tố các bị cáo K1 và N2 về tội: "Chống người thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

- Về hình sự: Tuyên bố các bị cáo K1 và N2 phạm tội "Chống người thi hành công vụ". Áp dụng khoản 1 Điều 330; các khoản 1, 3 Điều 17; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K1 từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Đối với bị cáo N2 (khi phạm tội dưới 18 tuổi): Áp dụng khoản 1 Điều 330; các khoản 1, 3 Điều 17; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 90; các khoản 1, 4, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N2 từ 9 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 30 tháng.

- Về bồi thường thiệt hại, do các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ: 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 55cm, cán dao dài 23cm, lưỡi dao dài 22cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 7,2cm; 01 con dao bằng kim loại dài 37cm, cán dao tròn dài 10cm, lưỡi dao dài 26,5cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 07cm; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA-1280 màu đen đã qua sử dụng.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo K1 canh đường vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 Bộ đội Biên phòng đã chuyển giao 480 bao thuốc lá hiệu NELSON không rõ xuất xứ cho Đồn V để xử lý hành chính theo quy định.

Bị cáo K1 đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo N2: Đồng ý với nội dung Cáo trạng truy tố, quan điểm đề nghị áp dụng pháp luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N2. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo N2 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo N2 đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến bổ sung.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, người bào chữa, các bị cáo và các bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra làm rõ tại phiên toà. Theo đó, có cơ sở khẳng định: khoảng 21 giờ 25/5/2021 khi Tổ tuần tra đang thực hiện nhiệm vụ thì K1 và N2 đã có hành vi cản trở, chống đối, dùng dao đe dọa, gây thương tích cho T3, Đ1 và T4.

Khi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi cố ý dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để lấy lại số hàng hoá đã bị bắt giữ, chống lại lực lượng Tổ tuần tra đang thực hiện nhiệm vụ của các bị cáo đã cấu thành tội "Chống người thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 2 Bộ đội Biên phòng đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động của Tổ tuần tra phòng chống dịch Covid và ngăn chặn tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại đang thi hành công vụ, làm cho Tổ tuần tra không hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời còn gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, hai bị cáo đều là người thực hành. Trong đó:

K1 vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành và đã có hành vi la lối, chửi bới, gọi điện thoại cho N2 đến giúp, sau đó dùng dao đe dọa, gây thướng tích đối với Đ1 và T3 thuộc Tổ tuần tra đang thi hành nhiệm vụ. Do đó, K1 phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án này.

Đối với bị cáo N2, vừa là người thực hành, giúp sức tích cực. Khi nhận được điện thoại của K1 thì ngay lập tức cầm dao tới cùng với K1 đe dọa, gây trầy xước cho T4, điều đó thể hiện mong muốn cùng với K1 cản trở, chống lại Tổ tuần tra nên bị cáo N2 phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo K1.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã chủ động ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Về hình phạt: Xem xét toàn diện vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo K1 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ mất sớm, có 02 con nhỏ. Đối với bị cáo N2: khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, có nhân thân tốt, có nơi cư trú

rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, xét thấy có đủ điều kiện cho các bị cáo được hưởng án treo ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho địa phương nơi các bị cáo sinh sống để giám sát, giáo dục mà không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo N2: Hội đồng xét xử xét thấy mức án mà người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo N2 chưa tương xứng với hành vi phạm tội cũng như hậu quả mà bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận.

Các đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với hành vi của các bị cáo canh đường cho các đối tượng vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điếu từ Campuchia về Việt Nam, Tổ tuần tra chỉ thu giữ được 480 bao thuốc lá ngoại hiệu NELSON nên không đủ căn cứ để khởi tố các đối tượng về tội "Vận chuyển hàng cấm".

[6] Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 03 tháng 6 năm 2021, Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 Bộ đội Biên phòng đã ra quyết định xử lý vật chứng số 84ª/QĐ-XLVC chuyển giao 480 gói thuốc lá điếu hiệu NELSON chưa được kiểm định chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ cho Đồn V, Bộ đội tỉnh K xử lý theo quy định.

Đối với 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 55cm, cán dao dài 23cm, lưỡi dao dài 22cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 7,2cm; 01 con dao bằng kim loại dài 37cm, cán dao tròn dài 10cm, lưỡi dao dài 26,5cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 07cm; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA-1280 màu đen số seri 350618541580986 đã qua sử dụng. Đây là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, là tiền công mà các bị cáo được trả để canh đường. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh K1 và Bùi Quan N2 phạm tội *"Chống người thi hành công vụ"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 330; các khoản 1, 3 Điều 17; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Minh K1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 12 năm 2022). Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 330; các khoản 1, 3 Điều 17; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 90; các khoản 1, 4, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Quan N2 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 12 năm 2022). Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ: 02 (hai) con dao bằng kim loại; 01 (một) điện thoại di động theo biên bản giao, nhận vật chứng hồi 09 giờ 15 phút ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 Bộ đội Biên phòng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: 1.000.000 (một triệu) đồng theo biên bản giao, nhận vật chứng hồi 09 giờ 15 phút ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 Bộ đội Biên phòng.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Trần Minh K1 và Bùi Quan N2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/12/2022) đối với các bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên toà và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với các bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 9./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

1// Tiết Minh Nguyệt

Nơi nhận:
- VKSQSBĐBP;
- VKSQSKV2 BĐBP;
- Cơ quan ĐTKV3-BĐBP;
- Phòng THA Q;
- CQ THA H Công an H.Gi, T. K;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người bào chữa;
- UBND xã V, H.Gi, T. K
- UBND xã T, H.Gi, T. K;
- Lưu HS, THA.